TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 7 - 2022
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Em

2. Ông Nguyễn Đông Hà

- T ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông - T ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp về ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 , giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Trường G, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện R, tỉnh K (vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1992; địa chỉ: anh Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Vũ Trường G trình bày: Hôn nhân của anh với Nguyễn Thị Kim T là tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc. Khi sinh đứa con đầu tiên thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên vợ thường xuyên về bên nhà mẹ vợ sinh sống. Đến ngày 10/4/2020, thì vợ về nhà mẹ vợ sinh sống

cho đến nay. Mặc dù anh có đến nhà mẹ vợ 03 lần để rước vợ con về nhưng đều không được và bên nhà vợ cũng ngăn cản việc anh thăm con. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị T; Về con chung: Anh chị có hai người con chung là cháu Vũ Thị Huyền T, sinh ngày 13/7/2017 và cháu Vũ Đức Đ, sinh ngày 20/10/2018. Khi chị T bỏ nhà đi có đem theo cháu Vũ Thị Huyền T nên khi ly hôn anh thống nhất để chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Huyền T. Cháu Vũ Đức Đ do anh đang nuôi dưỡng nên khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Vũ Đức Đ. Anh và chị T, chưa ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Đầu năm 2017 khi cưới nhau, cha mẹ anh cho vợ chồng anh chị 10 chỉ vàng 24K và anh giao cho vợ quản lý. Sau này, do vợ bệnh nên giao vàng cưới lại cho anh quản lý, anh đã bán 07 chỉ vàng 24K lấy tiền điều trị bệnh cho vợ và sử dụng vào việc sinh con, nuôi con nên đã hết số tiền bán vàng này. Khi chị T bỏ nhà đi có đem theo 01 đôi bông tai và 01 chiếc nhẫn bằng vàng có trọng lượng khoảng 01 chỉ vàng 24K (nằm trong số vàng cưới), anh còn quản lý 02 chỉ vàng 24K và anh cũng đã bán số vàng này để lấy tiền điều trị bệnh cho cháu Vũ Đức Đ. Do đó, tài sản chung do anh quản lý đã sử dụng hết. Đối với tài sản chung khoảng 01 chỉ vàng 24K do chị T đang quản lý thì anh giao cho chị T luôn nên không yêu cầu giải quyết về tài sản chung; Về nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại văn bản ngày 14 tháng 6 năm 2022, bị đơn Nguyễn Thị Kim T trình bày: Chị với anh Vũ Trường G tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên chị đã về nhà mẹ đẻ sinh sống khoảng 02 năm nay. Nay anh G yêu cầu ly hôn, chị đồng ý ly hôn. Về con chung thì chị và anh G có hai con chung là cháu Vũ Thị Huyền T, sinh ngày 13/7/2017 và cháu Vũ Đức Đ, sinh ngày 20/10/2018. Cháu Vũ Thị Huyền T do chị nuôi dưỡng từ khi ly thân cho đến nay, cháu Vũ Đức Đ do anh G đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Huyền T, chị đồng ý giao cháu Vũ Đức Đ cho anh G nuôi dưỡng. Chị và anh G, chưa ai phải cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị có yêu cầu mẹ chồng (bà Lê Thị H) lại vàng cưới, nay chị tự nguyện rút lại yêu cầu này, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Về nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa và của đương sự là đúng pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; về con chung giao cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng cháu Vũ Đức Đ, giao cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Huyền T, chưa xem xét việc cấp dưỡng nuôi con do chưa có yêu cầu; về tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về nợ chung không có nên không xem xét; về án phí hôn nhân gia đình và sơ thẩm buộc nguyên đơn chịu theo quy định pháp luật; về yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm là không có.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất đều không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn và yêu cầu được nuôi con chung mà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm nguyên đơn khởi kiện thì bị đơn có địa chỉ tại huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang;

[1.2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào ngày 17/01/2017, giữa nguyên đơn với bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân (đăng ký kết hôn) nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Nguyên đơn anh Vũ Trường G với bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T đăng ký kết hôn vào ngày 17/01/2017, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện R, tỉnh G. Thời điểm anh chị đăng ký kết hôn, thì anh chị đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc một

thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2020 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên chị T đã về nhà mẹ ruột sinh sống, do đó anh chị cũng đã ly thân từ đó cho đến nay. Anh G nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với chị T. Theo biên bản xác minh ngày 07/02/2022, anh chị có hai người con chung, về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến yêu cầu ly hôn giữa anh chị thì chính quyền địa phương không rõ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh G vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và chị T cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay là một thời gian dài, các bên không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về nuôi dưỡng con chung: Giữa anh G với chị T có 02 người con chung có họ tên là cháu Vũ Thị Huyền T, sinh ngày 13/7/2017 và cháu Vũ Đức Đ, sinh ngày 20/10/2018. Cháu T do chị T đang nuôi dưỡng, cháu Đ do anh G đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ và thống nhất giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng. Về phía chị T cũng yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, đồng ý giao cháu Đ cho anh G nuôi dưỡng. Theo biên bản xác minh ngày 07/2/2022, thì anh chị có hai người con chung. Hiện tại, anh G là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ, chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Do đó, để ổn định về tâm lý cũng như sự phát triển toàn diện của các cháu và cũng phù hợp với yêu cầu của hai bên, nên tiếp tục giao cháu Đ cho anh G nuôi dưỡng, tiếp tục giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng là có căn cứ.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn và bị đơn đều không có yêu cầu. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Toà án chưa xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung:

[6.1] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết; bị đơn rút lại yêu cầu trả vàng cưới đối với bà Lê Thị H và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Do đó, Tòa án chưa xem xét giải quyết đối với tài sản chung. Đối với bà Lê Thị H (mẹ chồng chị T, mẹ ruột anh G), sinh năm 1959, địa chỉ: ấp T, xã H, huyện R, tỉnh G, quá trình thu thập chứng cứ, bà Hoà xác định bà không quản lý vàng cưới của vợ chồng anh G chị T nên bà không liên quan đến vụ án, đồng

thời anh G và chị T đều không yêu cầu giải quyết đối với vàng cưới nên Toà án xác định bà H không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[6.2] Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn đều trình bày không có nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Trường G.

1. Về hôn nhân: Cho anh Vũ Trường G với chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn.

2. Về nuôi dưỡng con chung:

Giao cháu Vũ Thị Huyền T, sinh ngày 13 tháng 7 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị Kim T tiếp tục nuôi dưỡng.

Giao cháu Vũ Đức Đ, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2018 cho anh Vũ Trường G tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên chưa xem xét.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên chưa xem xét; Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Vũ Trường G phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002666, ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí, anh Vũ Trường G đã nộp xong, không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND xã
- Cổng TTĐTTANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Quyền Trân